|  |  |
| --- | --- |
| UBND TX GIA NGHĨA  **TRƯỜNG TH THĂNG LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /KH-TL | *Gia Nghĩa, ngày 15 tháng 11 năm 2018* |

**KẾ HOẠCH**

**PHÁT TRIỂN TRƯỜNG TIỂU HỌC THĂNG LONG**

**GIAI ĐOẠN 2018-2023 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

- Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009;

- Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020;

- Căn cứ Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Căn cứ Nghị quyết số 29, Khóa XI của BCH TW Đảng vể “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”;

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Gia Nghĩa lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường Nghĩa Trung lần thứ III, nhiệm kỳ 2015-2020;

Trường Tiểu học Thăng Long xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2018-2023 như sau:

**PHẦN I**

**PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG**

**I. Khái quát tình hình kinh tế -xã hội của phường Nghĩa Trung**

Phường Nghĩa Trung nằm ở trung tâm thị xã Gia Nghĩa; tổng diện tích tự nhiên gồm 1.396,02 ha, tổng dân số thường trú là 2.133 hộ với 8.078 nhân khẩu (tính đến tháng 10 năm 2018), được chia thành 6 tổ dân phố, dân cư sinh sống trong các tổ dân phố đều tập trung, bán kính cách trung tâm phường khoảng 2 km. Mạng lưới giao thông thuận lợi, đi lại dễ dàng. Mạng lưới thông tin và giáo dục tương đối phát triển, đời sống kinh tế, trình độ dân trí tương đối cao.

Kinh tế phát triển theo cơ cấu nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp; Tiềm năng kinh tế phát triển chủ yếu là cà phê, hồ tiêu, chăn nuôi và các loại cây trồng khác. Trình độ dân trí từng bước được nâng cao, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản được giữ vững, hệ thống chính trị từ phường xuống các tổ dân phố từng bước được kiện toàn và củng cố đi vào hoạt động có hiệu quả.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát kịp thời của Thị ủy, HĐND, UBND thị xã Gia Nghĩa, Đảng ủy, UBND phường Nghĩa Trung đã điều hành cụ thể trên từng mặt công tác, từng lĩnh vực kinh tế - xã hội; cùng với các cơ quan khối đoàn thể động viên tinh thần của toàn dân thi đua lao động sản xuất để hoàn thành vượt mức chỉ tiêu KT-XH đã đề ra.

**1. Sự quan tâm của chính quyền địa phương trong việc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về công tác giáo dục**

Đảng ủy và chính quyền địa phương phường Nghĩa Trung rất quan tâm đến việc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về công tác giáo dục trên địa bàn, cụ thể đối với trường tiểu học Thăng Long:

- Được sự quan tâm của Đảng ủy, trường đã thành lập Chi bộ riêng nên thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát các hoạt động dạy và học trong nhà trường một cách có hiệu quả.

- Sự quan tâm, chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể phối kết hợp cùng đơn vị trường thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục; công tác PCGDTHĐĐT, công tác huy động, vận động học sinh ra lớp, chăm sóc và giáo dục học sinh trên địa bàn đạt hiệu quả.

**2. Sự quan tâm của cha mẹ học sinh trong việc nâng cao chất lượng giáo dục:**

Đời sống của phụ huynh học sinh những năm gần đây tương đối ổn định. Nhiều phụ huynh học sinh đã chú trọng quan tâm đến việc học tập của con em và đã phối hợp rất tốt với nhà trường trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể là:

- Phối hợp tốt với nhà trường và giáo viên chủ nhiệm trong việc giáo dục đạo đức học sinh và chỉ bảo con em học tập tốt.

- Quan tâm cho trẻ đúng độ tuổi đến trường, duy trì việc chuyên cần học tập của con em, nhiều năm liền nhà trường không có học sinh bỏ học.

- Chi hội, Ban đại diện cha mẹ học sinh thường xuyên sinh hoạt định kỳ, phối hợp với lãnh đạo trường thực hiện việc giáo dục học sinh, tạo điều kiện hỗ trợ cho giáo viên và học sinh tham gia tốt các phong trào trong nhà trường và ngành tổ chức.

Đời sống nhân dân có cải thiện nhưng sự chênh lệch giàu nghèo vẫn còn nhiều, nhiều phụ huynh đến tạm trú để làm ăn, cuộc sống tạm bợ, điều kiện kinh tế bấp bênh, không có chỗ ở ổn định, điều này ảnh hưởng đến việc học tập của các em. Một số phụ huynh học sinh, nhiều gia đình còn khoán trắng việc học tập của con em cho nhà trường. Vấn đề này cũng tác động đến nhận thức học tập của học sinh trong trường.

**II. Thực trạng của nhà trường**

**1. Quy mô trường lớp**

  Tr­ường Tiểu học Thăng được thành lập năm 1998.

Năm học 2018-2019, toàn trường có 24 lớp, 100% học sinh đều được học 2 buổi/ngày.

***Bảng 1 - Thống kê tình số lớp, số học sinh năm 2015-2016***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Khối** | **Số lớp** | **Tổng số**  **HS** | **Nữ** | **Khuyết tật** | **BQ HS/lớp** | **Ghi chú** |
| 1 | Một | 6 | 240 | 123 | 2 | 40 | Học 2 buổi |
| 2 | Hai | 6 | 205 | 88 | 1 | 34 | Học 2 buổi |
| 3 | Ba | 4 | 134 | 58 | 0 | 33,5 | Học 2 buổi |
| 4 | Bốn | 4 | 164 | 81 | 1 | 41 | Học 2 buổi |
| 5 | Năm | 4 | 163 | 64 | 0 | 41 | Học 2 buổi |
| TC | 05 | 24 | 906 | 414 | 4 | 37,75 | Học 2 buổi |

**\*Ưu điểm**

- Có 100% số lớp học 2 buổi /ngày, thuận lợi cho việc giảng dạy, theo dõi chất lượng học sinh.

- Công tác tuyển sinh tại trường hằng năm được thực hiện một cách thuận lợi, đúng quy định và đảm bảo chỉ tiêu cấp trên giao, tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 thực hiện 100%.

**\* Hạn chế**

**S**ố trẻ theo bố mẹ đến tạm trú để làm ăn sinh sống trên địa bàn không ổn định, gây khó khăn trong công tác điều tra để dự kiến được số trẻ ra lớp, nên ảnh hưởng đến công tác tuyển sinh, sắp xếp đội ngũ. Số lượng học sinh trong lớp đông nên việc quản lý, hướng dẫn học sinh tự học gặp nhiều hạn chế.

**2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

***Bảng 2 - Thống kê tình hình đội ngũ CB,GV,NV năm học 2018-2019***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng** | | | | **Tuổi đời** | | | **Tuổi nghề** | | | **Trình độ** | | |
| **Tổng số** | **BGH** | **GV** | **CNV** | **<30** | **30-45** | **>45** | **>5**  **Năm** | **5-10 năm** | **> 10 năm** | **ĐH** | **CĐ** | **THSP** |
| 34 | 02 | 29 | 03 | 2 | 23 | 9 | 1 | 9 | 24 | 22 | 9 | 3 |
| Nữ | 02 | 28 | 03 | 2 | 22 | 9 | 1 | 8 | 24 | 22 | 8 | 3 |

***Bảng 3 - Thống kê cơ cấu đội giáo viên năm học 2018-2019***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CBQL** | **Giáo viên** | | | | | | |
| **TS** | **Tiểu học** | **Thể dục** | **Âm nhạc** | **Mĩ thuật** | **Tin** | **NN** |
| 02 | 29 | 24 | 1 | 2 | 1 | - | 1 |

*2.2. Chất lượng*

*2.2.1. Đối với Cán bộ quản lý*

Tổng số: 02 (Trong đó Đại học: 02; Trung cấp lý luận chính trị: 02; Đảng viên: 02)

*2.2.2. Đối với giáo viên*

- Tổng số: 29; nữ 28. Trình độ chuyên môn: Đạt chuẩn: 28/28, tỷ lệ 100% (19 ĐH; 9 CĐ; 1 THSP); Trên chuẩn:18/29, tỷ lệ 81,2%.

- Xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Xuất sắc 31 (100%);

- Số giáo viên là đảng viên: 18/22, tỷ lệ 81,8%.

***Bảng 4 – Số giáo viên giỏi các cấp 5 năm gần đây***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Cấp trường | Cấp thị | Cấp tỉnh | Cấp quốc gia |
| 2013-2014 | 16 | 4 | 3 | - |
| 2014-2015 | 16 | 4 | 3 | - |
| 2015-2016 | 15 | 6 | 3 | - |
| 2016-2017 | 17 | 6 | 3 | - |
| 2017-2018 | 18 | 7 | 3 | - |

**\* Ưu điểm**

- Cán bộ quản lý nhiệt tình, có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tốt các hoạt động của nhà trường.

- Tập thể sư phạm có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong mọi hoạt động.

- Giáo viên nhiệt tình quan tâm đến việc giáo dục học sinh, được học sinh yêu mến.

- Có nhiều giáo viên có bề dày về kinh nghiệm giảng dạy. Có một số giáo viên trẻ nhiệt huyết và năng lực sư phạm tốt. Có giáo viên dạy giỏi đạt thành tích cao.

**\* Hạn chế**

- Một số giáo viên tuổi khá cao nên ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học còn hạn chế.

- Tỷ lệ giáo viên chưa đủ 1,5 giáo viên/lớp nên ảnh hưởng nhiều đến việc bố trí giáo viên đứng lớp.

- Phòng học còn thiếu, phòng chức năng chưa đủ, số học sinh/ lớp đông, phòng học chật hẹp nên việc tổ chức các hoạt động dạy học gặp nhiều trở ngại.

**3. Chất lượng giáo dục toàn diện.**

***Bảng 5 - Thống kê chất lượng đạt trà 5 năm gần đây***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số HS  đánh giá | | Giỏi  (HTXS) | | Khá  (HTT) | | TB (HT) | | Yếu  (CHT) | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 2013-2014 | 495 | 100 | 182 | 36,8 | 196 | 39,6 | 114 | 23 | 3 | 0,6 |
| 2014-2015 | 568 | 100 | 246 | 43,3 | 189 | 33,5 | 128 | 22,5 | 5 | 0,7 |
| 2015-2016 | 621 | 100 | 323 | 52 | 233 | 37,5 | 61 | 9,9 | 4 | 0,6 |
| 2016-2017 | 712 | 100 | 219 | 30,7 | 250 | 35,3 | 237 | 33,2 | 6 | 0,8 |
| 2017-2018 | 807 | 100 | 246 | 30,5 | 303 | 37,5 | 254 | 31,5 | 4 | 0,5 |

***Bảng 6 - Thống kê chất lượng kết quả các cuộc thi 5 năm gần đây***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hội thi / cấp tổ chức** | **Năm học** | | | | |
| 2013 -  2014 | 2014- 2015 | 2015 - 2016 | 2016 - 2017 | 2017-2018 |
| 1 | HS giải toán qua mạng Internet TX | 10 em | 28 em | 46 em | 54 em | - |
| 2 | HS giải toán qua mạng Internet tỉnh | 7 em | 20 em | 30 em | 31 em | - |
| 3 | HS giỏi toán trên Internet quốc gia | - | - | 1 em | 1 em | - |
| 4 | Hội khỏe Phù Đổng cấp thị | 8 | - | 12 em |  | 15 |
| 5 | Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh | - |  | - | 2 | 3 |
| 6 | IOE cấp thị | 6 em | 10 em | 14 em | 15 em | - |
| 7 | IOE cấp tỉnh | 3 em | 2  5 em | 7 em | 8 em | - |
| 8 | IOE cấp Quốc gia | - | 01 em | 2 em | - | - |
| 9 | Tin học trẻ không chuyên cấp tỉnh | Không tổ chức | - | 1 giải | 2 em | 3 em |
| 10 | Danh hiệu thi đua nhà trường | LĐTT | LĐXS | LĐXS | LĐXS | LĐXS |

**\* Ưu điểm:** Chất lượng đại trà ổn định, chất lượng mũi nhọn được duy trì hàng năm.Các hội thi của thầy và trò đều đạt thành tích cao.

**\* Hạn chế:** Chất lượng mũi nhọn chưa đồng đều ở các lớp. Một số lớp vẫn còn học sinh yếu, có năm trên 1%**.** Một số ít giáo viên chưa hưởng ứng tích cực phong trào thi đua của nhà trường cũng như các cấp phát động..

**4. Cơ sở vật chất**

***Bảng 7 - Thống kê tình hình cơ sở vật chất năm học 2018-2019***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hiện trạng** | **Số lượng** | **Diện tích (m2)** | **Ghi chú** |
| **Khuôn viên** | 1 |  |  |
| **Khối phòng học** | 24 |  | Kiên cố |
| **Khối phòng phục vụ học tập** |  |  |  |
| - Phòng giáo dục Mĩ thuật |  |  |  |
| - Phòng giáo dục Âm nhạc |  |  |  |
| - Nhà đa năng |  |  |  |
| - Phòng tin học | 1 | 50 | Kiên cố |
| - Phòng ngoại ngữ |  |  |  |
| - Thư viện | 1 | 50 | Kiên cố |
| - Phòng thiết bị giáo dục |  | 40 | Kiên cố |
| - Phòng truyền thống và HĐ Đội | 1 | 20 |  |
| **Khối phòng hành chính quản trị** |  |  |  |
| - Phòng Hiệu trưởng | 1 | 20 | Kiên cố |
| - Phòng Phó Hiệu trưởng | 1 | 20 | Kiên cố |
| - Phòng Phó Hiệu trưởng | 1 | 20 | Kiên cố |
| - Phòng họp | 1 | 50 | Kiên cố |
| - Phòng giáo viên |  |  |  |
| - Văn phòng |  |  |  |
| - Phòng Y tế | 1 | 20 | Kiên cố |
| - Kho | 0 | 0 | Tạm |
| - Phòng bảo vệ | 1 | 15 |  |
| - Phòng ăn, bếp phục vụ bán trú | 1 | 234,33 | Bán kiên cố |
| - Nhà vệ sinh dành cho giáo viên |  |  |  |
| - Nhà vệ sinh dành cho học sinh | 2 | 103,27 | Bán kiên cố |
| - Tường rào | 1 |  |  |
| - Hệ thống nước sạch | 1 |  |  |
| - Sân chơi | 1 | 5,684 |  |

**\* Ưu điểm:**

- Cơ sở vật chất khá khang trang, đảm bảo các hoạt động trong nhà trường.

- Khuôn viên trường xanh – sạch – đẹp, thoáng mát.

- Trong lớp có các tủ đồ dùng dạy học, thiết bị dạy học tương đối đầy đủ phục vụ cho các hoạt động dạy và học.

- Phòng học đủ 100% học sinh học 2 buổi/ngày, có bàn ghế bán trú.

- Diện tích đảm bảo, bình quân 1,5m2/học sinh. 26 phòng/26 lớp đều kiến cố và bán kiên cố. Trường có các hạng mục: sân chơi, nhà vệ sinh, phòng học tin học cơ bản đảm bảo nhu cầu dạy và học.

- Hệ thống nước sạch đảm bảo. Có nhà bếp một chiểu đáp ứng tốt An toàn vệ sinh thực phẩm.

**\* Hạn chế:**

- Một số phòng chức năng còn thiếu như: phòng kế toán, văn thư, phòng Đội, Y tế, bảo vệ, thư viện). Phòng học bộ môn còn thiếu (phòng ngoại ngữ, phòng dạy Mĩ thuật). Hiện nay 01nhà ăn bán trú đã sử dụng làm phòng Tin học. 12 phòng học chật hẹp không đủ điều kiện dạy học theo chương trình VNEN.

    - Trang thiết bị dạy học đã hư hỏng nhiều. Bàn ghế chưa phù hợp với lứa tuổi học sinh.

**III. Phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức.**

**1. Điểm mạnh**

- Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương.

- Trường có Chi bộ nên thuận tiện cho việc lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền thực hiện nhiệm vụ trong tất cả các hoạt động của nhà trường.

- Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn trên chuẩn, đã qua các lớp chuyên

môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, có kinh nghiệm nhiều năm trong công tác quản lý.

- Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, năng nổ trong công tác, 81,2% giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn. Có nhiều giáo viên kinh nghiệm và vận dụng phương pháp linh hoạt sáng tạo trong việc giảng dạy và giáo dục học sinh.

- Chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo tương đối cao, mang tính ổn định.

- Các lĩnh vực khác về tổ chức quản lý tài chính, thanh tra - thi đua, Công đoàn, Chi đoàn, Đội thiếu niên trong nhà trường hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả.

- Phối hợp tốt với phụ huynh trong tất cả các hoạt động của nhà trường.

- Hệ thống phòng học và một số công trình phụ trợ đảm bảo, khuôn viên xanh, sạch, đẹp.

**2. Điểm yếu**

- CSVC chưa đảm bảo: còn thiếu các phòng bộ môn, phòng chức năng. Sân chơi đã xuống cấp, không đảm bảo an toàn. Nhiều trang thiết bị, đồ dùng dạy học hư hỏng, không đáp ứng dạy và học.

- Một số giáo viên chưa thích ứng với việc sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

- Một số ít phụ huynh chưa thật sự quan tâm đến các hoạt động của trường.

- Công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường còn hạn chế, chưa huy động được nhiều sự đầu tư, đóng góp của các cá nhân, lực lượng xã hội về nhân lực và vật lực để tu sửa trường lớp, khen thưởng động viên học sinh.

**3. Thời cơ**

- Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, Chính quyền địa phương, sự đồng thuận của tập thể cán bộ giáo viên nhân viên, sự tín nhiệm của học sinh và phụ huynh học sinh.

- Đội ngũ cán bộ giáo viên được đào tạo cơ bản có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm tốt, đạt trình độ trên chuẩn khá cao (81,2%).

**4. Thách thức**

- Năm học 2018 – 2019 trường tiểu học Thăng Long tiếp tục duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 1 tiếp tục cố gắng là lá cờ đầu của ngành giáo dục thị xã, hệ thống cây cảnh như không có, sân chơi bãi tập chật hẹp. Cơ sở vật chất xuống cấp trầm trọng, không có nhà để xe, phòng học thiếu, các phòng chức năng không có, giáo viên chưa đủ. Vấn đề đặt ra cần tham mưu với địa phương sớm có kế hoạch huy động mọi nguồn lực để đầu tư trồng thêm cây cảnh tạo cảnh quan đẹp, mua sắm thêm cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện dạy học trong giai đoạn tới.

- Số giáo viên lớn tuổi, các hoạt động cần sự mềm dẻo, linh hoạt của giáo viên gặp nhiều hạn chế. Cần kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chât lượng giáo viên, nhân viên đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Đòi hỏi việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy và quản lý, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo của cán bộ giáo viên, nhân viên ngày một tăng.

- Xã hội ngày càng phát triển thì ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Giáo dục học sinh không chỉ phụ thuộc nhà trường mà là trách nhiệm giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

**5. Xác định vấn đề ưu tiên**

- Xây dựng cơ sở vật chất: nhà hiệu bộ, các phòng chức năng, phòng học bộ môn, hệ thống nhà vệ sinh, cải tạo sân chơi, quy hoạch hệ thống cây xanh, hệ thống nhà bếp cho học sinh ăn bán trú.

- Tham mưu tuyển dụng đủ số lượng, đủ cơ cấu giáo viên, đảm bảo chất lượng. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, tăng cường bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên có đủ khả năng thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học; đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của mỗi học sinh.

- Chất lượng giáo dục học sinh có sự chuyển biến toàn diện, đặc biệt là rèn kĩ năng sống để phát triển năng lực con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

**PHẦN II**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2018-2023**

**I. Tổng quan**

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, trường tiểu học Thăng Long là một trong những trường đứng tốp đầu của thị xã Gia Nghĩa. Nhà trường đang từng bước ổn định, phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành, luôn giữ vững tập thể Lao động xuất sắc, giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia, xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh và học sinh trong phường Nghĩa Trung nói riêng và toàn thị xã Gia Nghĩa nói chung.

Kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2018-2023 và tầm nhìn xa hơn nữa nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường, hoạt động của ban Lãnh đạo trường cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên nhân viên và học sinh nhà trường. Là căn cứ tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND phường Nghĩa Trung có hoạch định phát triển nhà trường. Đồng thời là kim chỉ nam trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch năm học hàng năm.

Xây dựng và triển khai kế hoạch của trường Tiểu học Thăng Long là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị Quyết của chính phủ về đổi mới giáo dục phổ thông, thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2015-2020. Trường Tiểu học Thăng Long cùng các trường tiểu học trong toàn thị xã, xây dựng ngành giáo dục của thị xã Gia Nghĩa nói chung, địa phương phường Nghĩa Trung nói riêng phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh và của đất nước.

**II. Định hướng phát triển**

**1. Quy mô số lớp, số học sinh.**

***Bảng 8* - *Dự kiến số lớp, số học sinh giai đoạn 2018-2023***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Khối 1** | | **Khối 2** | | **Khối 3** | | **Khối 4** | | **Khối 5** | | **Toàn trường** | |
| Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | Số lớp | Số HS | **Số lớp** | **Số HS** |
| 2018-2019 | 5 | 200 | 6 | 240 | 5 | 170 | 4 | 170 | 4 | 200 | **24** | **980** |
| 2019-2020 | 4 | 170 | 5 | 200 | 6 | 240 | 5 | 200 | 4 | 170 | **24** | **980** |
| 2020-2021 | 5 | 200 | 4 | 165 | 5 | 200 | 6 | 240 | 5 | 200 | **25** | **1005** |
| 2021-2022 | 5 | 200 | 5 | 200 | 4 | 165 | 5 | 200 | 6 | 240 | **25** | **1005** |
| 2022-2023 | 6 | 240 | 5 | 200 | 5 | 200 | 4 | 170 | 5 | 200 | **25** | **1010** |

**2. Tầm nhìn:** Xây dựng nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, đáp ứng mọi điều kiện dạy và học trong giai đoạn mới. Nhà trường có môi trường giáo dục đáng tin cậy, chất lượng; Giáo viên, học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên. Phấn đấu giữ vững trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và xây dựng các điều kiện trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

**3. Sứ mệnh:** Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều được phát triển toàn diện.

**III. Các nhóm phát triển trường giai đoạn 2018 – 2023**

**1. Nhóm phát triển hoạt động giáo dục**

**1.1. Phát triển giáo dục**

*1.1.1. Mục tiêu phát triển giáo dục*

Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, điều chính nội dung dạy học linh hoạt theo đối tượng học sinh trên cơ sở chuẩn kiến thức, kĩ năng, phát huy năng lực của học sinh. Vận dụng dối mới phương pháp dạy học “ Lấy học sinh làm trung tâm”

Duy trì dạy học 2 buổi/ngày đối với 100% học sinh. Dạy học ngoại ngữ đối với 100% học sinh, phấn đấu dạy theo chương trình mới 4 tiết/tuần đối với lớp 3,4,5. Dạy tin học với học sinh lớp 2,3,4,5.

Tiếp tục dạy học tích hợp giáo dục kĩ năng sống, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, giáo dục thông qua các hoạt động giáo dục lên lớp.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng cao nhất nhu cầu học tập của học sinh. Duy trì từ năm 2018 đến năm 2023 có 100% học sinh ra lớp đúng độ tuổi ở các khối lớp, 99% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, 100% hoàn thành chương trình tiểu học. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục đúng độ tuổi mức độ 3.

*1.1.2. Phát triển chất lượng giáo dục*

***Bảng 9 - Chỉ tiêu về chất lượng từ năm 2018 đến 2023***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **S.Số** | **Các môn học và hoạt động giáo dục** | | | **Năng lực** | | | **Phẩm chất** | | | **HTC**  **TLH** | **HTC**  **TTH** |
| T | H | C | T | Đ | C | T | Đ | C |
| 18 - 19 | 980 | 350 | 623 | 7 | 600 | 378 | 6 | 625 | 355 | 0 | 99,5 | 100 |
| 19 - 20 | 980 | 365 | 610 | 6 | 620 | 355 | 5 | 630 | 350 | 0 | 99,5 | 100 |
| 20 - 21 | 1005 | 380 | 618 | 7 | 650 | 348 | 7 | 650 | 355 | 0 | 99,5 | 100 |
| 21 - 22 | 1005 | 384 | 614 | 7 | 657 | 341 | 6 | 655 | 350 | 0 | 99,7 | 100 |
| 22 - 23 | 1010 | 400 | 604 | 6 | 690 | 315 | 5 | 670 | 340 | 0 | 99,7 | 100 |

*1.1.3. Giải pháp thực hiện*

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường về vai trò, vị trí và sự cần thiết phải đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể sư phạm đối với sự nghiệp phát triển nhà trường.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng kiến thức – kỹ năng. Đổi mới phương pháp dạy học, dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và tiếp tục thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư 22. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

Thường xuyên kiểm tra các hoạt động chuyên môn trong nhà trường. Đẩy mạnh hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, giáo viên trong trường.

**1.2. Đảm bảo chất lượng**

*1.2.1. Các điều kiện đảm bảo chất lượng*

- Đảm bảo tối đa về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên giảng dạy. sắp xếp và bố trí đủ số lượng giáo viên, đảm bảo cơ cấu giáo viên, nhất là giáo viên ngoại ngữ.

- Đảm bảo đủ phòng học để học 2 buổi/ngày, có phòng bộ môn, phòng chức năng và các công trình phụ trợ. Trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy - học.

- Đẩy mạnh thực hiện ứng dụng CNTT trong công tác quản lý; ứng dụng phần mềm quản lý giáo dục, phần mềm quản lý cán bộ giáo viên nhân viên.

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công bố trí cán bộ giáo viên hợp lý, phát huy năng lực, sở trường của từng CBGV phù hợp với yêu cầu.

*1.2.2. Các biện pháp quản lý nâng cao chất lượng*

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định; dạy học theo chuẩn kiến thức kĩ năng các môn học; nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên bằng nhiều biện pháp: Tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn trên chuẩn, dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hè, dự thao giảng cụm, trường, dự giờ đồng nghiệp, tổ chức và tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi các cấp, đăng ký tiết dạy tốt, học tốt…

- Đi sâu bồi dưỡng giáo viên mới ra trường. Phấn đấu 100% giáo viên đạt chuyên môn loại khá tốt, không có giáo viên đạt yêu cầu.

- Tổ chức các hoạt động theo hướng lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Tăng cường phụ đạo học sinh yếu và bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo dục đạo đức cho học sinh trong tất cả các môn học.

- Thực hiện đạt và vượt các chỉ về chất lượng giáo dục và đào tạo như:

+ Đối với học sinh: tỷ lệ huy động trẻ vào lớp 1, học sinh hoàn thành chương trình lớp học, học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học, phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Duy trì tốt công tác bán trú.

+ Đối với giáo viên: thực hiện các chỉ tiêu về chuyên đề, dạy tốt, hội giảng, thao giảng, dự giờ, phong trào thi giáo viên dạy giỏi các cấp, phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm, phong trào thi đua khác….

*1.2.3. Các hoạt động đảm bảo chất lượng*

- Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

- Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học

- Thực hiện mục tiêu Phổ cập giáo dục tiểu học, Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

- Bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên kiến thức và kỹ năng tuyên truyền vớicác bậc cha mẹ học sinh và cộng đồng về công tác giáo dục học sinh.

- Tổ chức các hoạt đông ngoài giờ lên lớp hiệu quả.

*1.2.4. Hoạt động tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng*

- Việc tự đánh giá chất lượng trường học thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Công tác tự đánh giá của nhà trường cần thực hiện đầy đủ theo quy trình và tự đánh giá đúng 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí, 84 chỉ số theo Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

**2. Nhóm phát triển đội ngũ**

**2.1. Mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức**

Xây dựng đội ngũ CB-GV-NV đủ về số lượng, có tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn khá giỏi, có trình độ tin học, có phong cách sư phạm mẫu mực, tận tụy yêu nghề mến trẻ, đoàn kết thống nhất hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của trường. Cụ thể:

- Đối với Cán bộ quản lý: 100% trình độ Đại học; 100% tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị; 100% được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục; có chứng chỉ tin học, ngoại ngữ. Đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm đều được xếp loại hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Đối với Giáo viên: 90% trình độ đào tạo đại học, 100% giáo viên có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, 30% giáo viên có chứng chỉ Ngoại ngữ, tin học; 100% giáo viên đều được đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ loại Khá trở lên; 100% giáo viên đều xếp loại Khá, Tốt về chuyên môn nghiệp vụ, không có giáo viên xếp loại Trung bình; 80% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường, 20% giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi thị trở lên; 100% giáo viên được xếp loại khá, giỏi về bồi dưỡng thường xuyên.

**2.2. Nhu cầu về đội ngũ cán bộ, viên chức**

***Bảng 10 - Nhu cầu đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên từ 2018 đến 2023***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số lớp** | **TS CB, GV, NV** | **CBQL** | **GV** | | | | | | **NV** | | | |
| **Văn hóa** | **ÂN** | **MT** | **TD** | **NN** | **Tin** | **KT**  **VT** | **TV**  **TB** | **TQ**  **YT** | **Khác** |
| 2018-2019 | 24 | 44 | 3 | 29 | 1 | 1 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 |
| 2019-2020 | 24 | 44 | 3 | 29 | 1 | 1 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 |
| 2020-2021 | 25 | 45 | 3 | 30 | 1 | 1 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 |
| 2021-2022 | 25 | 45 | 3 | 30 | 1 | 1 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 |
| 2022-2023 | 25 | 45 | 3 | 30 | 1 | 1 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 | 1 | 2 |

**2.3. Giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

- Đẩy mạnh công tác quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có chất lượng cao, bảo đảm đủ các chuẩn về chính trị và chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng môi trường sư phạm ở trường học trước hết là xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên, khung cảnh nhà trường và nề nếp học tập, sinh hoạt. Mỗi thầy cô giáo không chỉ dạy cho học sinh bằng những hiểu biết của mình mà còn dạy học sinh bằng cả cuộc đời mình. Vì thế Hiệu trưởng cần phối hợp với Công đoàn xây dựng tập thể giáo viên thành tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo cho học sinh noi theo.

- Rà soát lại trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực sư phạm của giáo viên. Động viên khuyến khích, tạo điều kiện cho giáo viên chưa có trình độ ngoại ngữ, tin học tự học để nâng cao trình độ.

- Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên bằng nhiều hình thức: Dự giờ, hội giảng giảng, thi giáo viên giỏi, chuyên đề, trao đổi học tập kinh nghiệm… Phát động các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt có phần thưởng khích lệ và góp ý rút kinh nghiệm để giáo viên khắc phục những tồn tại và phát huy thành tích đạt được. Thường xuyên bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận và lực lượng cốt cán của nhà trường thông qua thực tiễn công tác và tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng do cấp trên tổ chức.

- Thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường, công bằng trong phê bình, thi đua khen thưởng, giải quyết những vướng mắc trong nội bộ CBGVNV trên cơ sở bình đẳng. Giải quyết kịp thời và đầy đủ các chế độ chính sách cho cán bộ giáo viên, tạo điều kiện cho cán bộ giáo viên yên tâm công tác. Xây dựng bầu không khí làm việc đồng thuận, phát huy vai trò gương mẫu trong lãnh đạo, tạo khối đoàn kết nhất trí cùng nhau hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ đề ra.

- Phát huy vai trò cá nhân, luôn gương mẫu đi đầu trong mọi công việc. Từng bước hoàn thiện bản thân đáp ứng yêu cầu thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

**3. Nhóm phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật**

**3.1. Mục tiêu phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật**

- Xây dựng trường đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và công tác quản lý nhà trường.

- Đầu tư xây dựng hệ thống phòng học, phòng bộ môn, các công trình phụ trợ để tổ chức các hoạt động giáo dục hiệu quả

**3.2. Nhu cầu về cơ sở vật chất**

***Bảng 11- Nhu cầu về đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 2018 đến 2023 và định hướng đến năm 2030.***

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hạng mục đầu tư** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Diện tích (m2)** | **Ghi chú** |
| **Khối phòng phục vụ học tập** |  |  |  |  |
| - Phòng giảng dạy Mĩ thuật | Phòng | 1 | 65 |  |
| - Phòng giảng dạy Âm nhạc | Phòng | 1 | 65 |  |
| - Nhà đa năng | Nhà | 1 | 300 |  |
| - Phòng lap | Phòng | 2 | 110 |  |
| - Phòng tin học | Phòng | 1 | 80 |  |
| - Thư viện | Phòng | 1 | 120 |  |
| - Phòng thiết bị giáo dục | Phòng | 1 | 70 |  |
| - Phòng truyền thống và HĐ Đội | Nhà | 1 | 70 |  |
| - Phòng học | Phòng | 5 | 300 |  |
| **Khối phòng hành chính quản trị** |  |  |  |  |
| - Văn phòng | Phòng | 1 | 100 |  |
| - Phòng giáo viên | Phòng | 1 | 48 |  |

***Bảng 12- Nhu cầu về mua sắm trang thiết bị dạy học giai đoạn 2015 đến 2020 và định hướng đến 2030.***

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên thiết bị** | **Đơn vị tính** | ***Số lượng*** | **Thành tiền** |
| **Thiết bị dạy học tối thiểu** | Bộ | 30 | 150 |
| **Thiết bị dùng chung** |  |  |  |
| Máy tính | Bộ | 17 | 184 |
| Máy chiếu | Bộ | 5 | 75 |
| Thiết bị âm thanh | Bộ | 1 | 60 |
| Thiết bị phòng giáo dục Mỹ thuật | Bộ | 35 | 105 |
| Trang thiết bị phòng thư viện | Bộ | 9 | 90 |
| Bàn ghế | Bộ | 95 | 190 |
| **Tổng cộng** | | | **854** |

***Bảng 13- Dự kiến lộ trình về đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 2018 đến 2020***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hạng mục đầu tư** | **Dự kiến năm thực hiện** |
| - Phòng học | 2020-2021 |
| - Phòng giáo dục Mĩ thuật | 2020-2021 |
| - Phòng giáo dục Âm nhạc | 2020-2021 |
| - Phòng ngoại ngữ | 2020-2021 |
| - Thư viện | 2020-2021 |
| - Phòng thiết bị giáo dục | 2020-2021 |
| - Phòng truyền thống và HĐ Đội | 2020-2021 |
| - Văn phòng | 2020-2021 |
| - Nhà đa năng | 2019 – 2020 |

**3.3. Giải pháp phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật**

- Tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng trường đảm bảo đủ số phòng học cho học sinh học tập, vui chơi và đầy đủ phòng chức năng.

- Tiếp tục bổ sung, chuẩn hóa trang thiết bị dạy học từ nguồn kinh phí giao quyền tự chủ theo quy định và yêu cầu trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Huy động các nguồn lực xã hội thực hiện xã hội hóa việc đầu tư cơ sở vật chất, trang bị thiết bị phục vụ dạy học.

- Quy hoạch môi trường bên trong và bên ngoài, quy hoạch lại cây xanh, hoa cảnh tạo môi trường xanh-sạch-đẹp thể hiện môi trường trường học thân thiện, học sinh tích cực.

**4. Nhóm phát triển nguồn lực tài chính**

**4.1. Kế hoạch và biện pháp tăng nguồn lực tài chính**

- Huy động nguồn tài chính từ tất cả các nguồn: ngân sách nhà nước và địa phương, vận động nhân dân và cha mẹ học sinh.

- Đầu tư nguồn kinh phí của UBND thị xã

- Tranh thủ sự đầu tư, ủng hộ của các doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội

**4.2. Giải pháp thực hiện**

- Thực hiện đúng theo nguyên tắc tài chính. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện thu chi các nguồn; công khai tài chính đúng quy định

- Tuyên truyền, vận động phụ huynh thường xuyên phối hợp hỗ trợ nhà trường trong mọi hoạt động. Bàn bạc thống nhất và theo dõi thu chi các khoản thu hộ của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Huy động các nguồn lực xã hội khác như: Doanh nghiệp tư nhân, các mạnh thường quân, … hỗ trợ thêm kinh phí trang bị thêm một số trang thiết bị, đồ dùng học tập, hỗ trợ cấp học bổng, giúp đỡ học sinh nghèo vượt khó.

**5. Phát triển và quảng bá thương hiệu**

Khuyến khích giáo viên tích cực tham gia vào các sự kiện, các hoạt động của cộng đồng và của ngành.

Xây dựng thương hiệu và sự tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường. Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ, giáo viên viên chức.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phát huy truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

**PHẦN III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Tổ chức thực hiện**

**1.1. Phổ biến kế hoạch**

- Kế hoạch phát triển giáo dục trường Tiểu học Thăng Long giai đoạn 2018 - 2023 được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, viên chức nhà trường, cơ quan cấp trên, Đảng, chính quyền địa phương, phụ huynh học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

- Niêm yết công khai Kế hoạch tại bản tin trường.

**1.2. Xây dựng lộ trình**

**\* Giai đoạn 2018-2020:**

- Triển khai Kế hoạch đến toàn thể cán bộ, giáo viên, viên chức. Báo cáo lên cơ quan cấp trên để xin ý kiến chỉ đạo.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện chi tiết các nội dung đề ra theo từng năm học.

- Hoàn thành cơ bản xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ, tham mưu đầu tư hệ thống khu bán trú, lập kế hoạch xây dựng phòng lap, phòng Mỹ thuật, phòng chức năng; bổ sung trang thiết bị.

- Tiếp tục tổ chức cho học sinh ăn bán trú cho học sinh theo tinh thần phụ huynh tự nguyện đăng ký.

- Thực hiện kiểm định chất lượng.

**\* Giai đoạn 2020-2023:**

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện chi tiết các nội dung đề ra theo từng năm học.

- Thực hiện xây dựng cơ bản một số phòng như: phòng nghệ thuật, kho, phòng lap …

- Từng bước xây dựng các tiêu chí của chuẩn quốc gia mức độ 2.

**1.3. Phân công trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân**

**- Hiệu trưởng:** Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, viên chức nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học. Cụ thể:

+ Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển chung cho toàn trường.

+ Tổ chức đánh giá thực hiện kế hoạch hành động hằng năm của toàn trường và thực hiện Kế hoạch phát triển theo từng giai đoạn.

**- Phó Hiệu trưởng:** Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục.

**- Tổ trưởng chuyên môn:**

+ Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác của tổ.

+ Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên, tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

+ Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể (từng năm) của tổ, trong đó mỗi hoạt động cần nêu rõ mục tiêu cần đạt, kết quả, hiệu quả, thời gian và các nguồn lực thực hiện

**- Giáo viên, viên chức**: Căn cứ kế hoạch của tổ để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đúng thời gian quy định, thông tin kịp thời những vướng mắc nhằm để bàn bạc, có các giải pháp để thực hiện hiệu quả Kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường.

- **Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường:**

+ Hằng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên quan trong Kế hoạch phát triển nhà trường.

+ Tuyên truyền, vận động các thành viên của đoàn thể, tổ chức mình thực hiện tốt các nội dung và giải pháp trên, góp ý với nhà trường để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt Kế hoạch phát triển nhà trường.

- **Ban đại diện cha mẹ học sinh:**

+ Hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất, nhân lực, vật lực, cùng với nhà trường tuyên truyền, vận động các bậc phụ huynh, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm góp phần thực hiện mục tiêu của Kế hoạch phát triển nhà trường.

+ Tăng cường giáo dục gia đình, vận động phụ huynh học sinh quan tâm phối kết hợp chặt chẽ với nhà trường và các lực lượng giáo dục khác trong việc giáo dục con em.

**PHẦN IV**

**KIẾN NGHỊ**

**1. Đối với UBND thị xã Gia Nghĩa**

- Quan tâm đầu tư các nguồn vốn xây dựng cơ sở vật chất trường Tiểu học Thăng Long để theo lộ trình đề ra.

- Quan tâm quy hoạch, đào tạo, phê duyệt, tuyển dụng đội ngũ đảm bảo cơ cấu cho nhà trường.

**2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Thường xuyên quan tâm theo dõi chỉ đạo, hỗ trợ nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo mục tiêu đã đề ra.

- Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia học các lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục; Tổ chức các chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBQL và giáo viên.

**3. Đối với chính quyền địa phương**

- Quan tâm chỉ đạo công tác xã hội hóa giáo dục tại địa phương để giúp cho toàn xã hội xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh thống nhất, phụ huynh học sinh có ý thức trách nhiệm đối với việc giáo dục con em.

- Cấp ủy, chính quyền địa phương, hội đồng giáo dục quan tâm giúp đỡ nhà trường về cơ sở vật chất trường học, tạo nguồn vốn đối ứng, chủ đầu tư những hạng mục lớn; bảo vệ an ninh trật tự, tuyên truyền công tác giáo dục đạo đức học sinh qua hệ thống thông tin đại chúng.

Trên đây là Kế hoạch phát triển trường Tiểu học Thăng Long giai đoạn 2018-2023 và định hướng đến 2030. Đề nghị các bộ phận, cá nhân thực hiện tốt kế hoạch này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT (b/c)  - Đảng ủy, UBND PNT (b/c)  - BGH, Các đoàn thể, bộ phận (t/h) | **HIỆU TRƯỞNG**  **Lê Thị Bạch Tuyết** |